

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 499/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh **Nguyễn Phúc L**, sinh năm 1980;
- Chị **Lê Hoàng Đăng K**, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: số X đường Y, khu phố H, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phúc L và chị Lê Hoàng Đăng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến nay cuộc sống vợ chồng trở nên ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hòa giải được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L và chị K yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh L và chị K là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh L và chị K có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Bách D, sinh ngày XYZ. Anh L và chị K thống nhất sau khi ly hôn chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sự thỏa thuận này của anh L và chị K là phù hợp với quy định tại Điều 55 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Anh L và chị K trình bày không có.

[4] Về nợ chung: Anh L và chị K trình bày không có.

[5] Lệ phí Tòa án: Anh L và chị K thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các thỏa thuận trên của anh L và chị K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phúc L và chị Lê Hoàng Đăng K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Bách D, sinh ngày XYZ. Sau khi ly hôn, chị Lê Hoàng Đăng K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Phúc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Phúc L được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Phúc L và chị Lê Hoàng Đăng K trình bày không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Phúc L và chị Lê Hoàng Đăng K trình bày không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Phúc L và chị Lê Hoàng Đăng K tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số: 0008148 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND thị trấn C, huyện M
- Số ABC (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như

